

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN LIÊN CHIỂU-TP ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2019/DS-ST

Ngày 09 tháng 4 năm 2019

V/v: “*yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền
Nợ và tiền biếu*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LIÊN CHIỂU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Phạm Thanh Thủy**

- *Các Hội thẩm nhân dân:* + Ông **Nguyễn Văn Hiến**

+ Bà **Nguyễn Thị Thanh Bình**

- *Thư ký Tòa án:* Bà **Trần Thị Kim Ánh**, là Thư ký Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

- *Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa:* Ông **Võ Quang Tiến**.

Ngày 09 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 164/2018/TLST- DS ngày 06/12/2018 về việc: “*Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền nợ và tiền biếu*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2019/QĐXXST- DS ngày 04 tháng 3 năm 2019, quyết định hoãn phiên tòa số 05/2019/QĐST- DS ngày 20 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Bà **Huỳnh Thị B (BH)**, Sinh năm: 1959, có mặt

Địa chỉ: Tổ 12 Quang Thành 3B, phường HKB, quận L, TP. Đà Nẵng.

- Bị đơn: Ông **Nguyễn Phước Đ**, Sinh năm: 1959, vắng mặt

Bà **Đỗ Thị K**, Sinh năm: 1957, vắng mặt

Cùng địa chỉ: Tổ 161, phường HM, quận L, TP. Đà Nẵng.

NỘI DUNG VỤ ÁN

**** Trong đơn khởi kiện gửi đến Tòa án ngày 26/10/2018 và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Huỳnh Thị B trình bày:***

Do quan hệ quen biết tôi có chồng đặt cho ông Nguyễn Phước Đ và bà Đỗ Thị K một chân biếu với số tiền là 120.000.000 đồng. Ông Đ và bà K thỏa thuận trả mỗi ngày 350.000 đồng kể từ ngày 20.4.2018 số tiền này bà K và ông Đ chưa góp lần nào. Vào ngày 13.3.2018 âm lịch bà K mượn thêm 50.000.000 đồng và ngày 10.2.2018 bà K mượn thêm 10.000.000 đồng. Tổng cộng ba lần mượn là tổng số tiền là: 180.000.000 đồng.

Nay tôi yêu cầu vợ chồng ông Nguyễn Phước Đ và bà Đỗ Thị K trả số tiền 120.000.000 đồng (*một trăm tám mươi triệu đồng*) và bà Đỗ Thị K phải trả số tiền 60.000.000 đồng (*sáu mươi triệu đồng*) và không tính lãi.

** Bị đơn ông Nguyễn Phước Đ và bà Đỗ Thị K đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng bà K không đến nên không có lời khai của bà K trong hồ sơ vụ án và không có ý kiến phản hồi gì liên quan đến chứng cứ do nguyên đơn cung cấp cũng như ý kiến về việc có hay không yêu cầu phản tố. Bị đơn ông Nguyễn Phước Đ có trình bày:*

Giấy đây biếu ngày 20.4.2018 đến ngày 20.4.2019 là do bà Huỳnh Thị B và bà Đỗ Thị K tự chơi biếu với nhau, tôi chỉ là người làm chứng nên không liên quan đến khoản nợ này. Giấy đây biếu mà bà Ba gửi cho chúng tôi không giống với giấy đây biếu trước đây tôi đã ký là có thêm vào dòng chữ "Hai vợ chồng đều trách nhiệm như nhau, chồng tôi". Đối với giấy mượn tiền ngày 13.3 âm lịch và ngày 10.2.2018 là do bà K ký nhận nợ với bà Ba nên tôi không biết không liên quan.

** Tại phiên tòa hôm nay, Đ diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng thống nhất về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, hội đồng xét xử, thư ký cũng như việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm hội đồng xét xử nghị án; bị đơn là ông Nguyễn Phước Đ và bà Đỗ Thị K không chấp hành nghiêm pháp luật, vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, phiên đối chất, hòa giải và vắng mặt tại phiên tòa mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Vì vậy căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt ông Nguyễn Phước Đ và bà Đỗ Thị K.*

Về nội dung vụ án: Đ diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Áp dụng Điều 353, 471, 474 BLDS năm 2015 buộc ông Nguyễn Phước Đ và bà Đỗ Thị K phải trả cho bà Huỳnh Thị B số tiền nợ biếu là 120.000.000 đồng (một trăm hai mươi triệu đồng) buộc bà Đỗ Thị K phải trả cho bà Huỳnh Thị B số tiền nợ là 60.000.000 đồng (*sáu mươi triệu đồng*).

- Về tiền lãi: bà Huỳnh Thị B không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục: Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Tranh chấp yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền giữa bà Huỳnh Thị B với ông Nguyễn Phước Đ và bà Đỗ Thị K thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải: Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho đương sự vắng mặt theo quy định tại Điều 208, 209, 210, 211 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn không xuất trình thêm chứng cứ mới.

Tại phiên tòa lần thứ nhất ngày 20.3.2019 và cũng như phiên tòa hôm nay Tòa án đã triệu tập, niêm yết công khai Quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa đối với bị đơn là ông Nguyễn Phước Đ và bà Đỗ Thị K nhưng ông Đ và bà K vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt ông Đ và bà K.

[2] Về nội dung vụ án: Xét yêu khởi kiện của bà Huỳnh Thị B đối với ông Nguyễn Phước Đ và bà Đỗ Thị K thì thấy:

HĐXX xét thấy, về khoản tiền vay, xuất phát từ việc quen biết và tin tưởng lẫn nhau nên bà Huỳnh Thị B đã chồng đây biểu cho ông Nguyễn Phước Đ và bà Đỗ Thị K số tiền 120.000.000 đồng vào ngày 20.4.2018, ngoài ra và Huỳnh Thị B còn cho bà Đỗ Thị K mượn cụ thể:

- Ngày 13.3.2018 âm lịch mượn 50.000.000 đồng góp ngày 14.3.2018

- Ngày 10.02.2018 mượn 10.000.000 đồng hẹn 10 ngày sẽ trả

Để chứng minh cho yêu cầu của mình, bà Huỳnh Thị B đã cung cấp chứng cứ là: + 01 “*Giấy chồng biểu*” ngày 20.4.2018 có nội dung thể hiện bà Ba có đây cho bà K 01 chân biểu 120.000.000 đồng, bà K trả cho bà Ba 350.000 đồng/ngày, có chữ ký xác nhận của ông Đ và bà K.

+ 02 giấy mượn tiền ngày 13.3 âm lịch thể hiện nội dung bà K mượn của bà Ba 50.000.000 đồng và ngày 10.02.2018 thể hiện nội dung bà K mượn của bà Ba 10.000.000 đồng.

Bị đơn, ông Nguyễn Phước Đ và bà Đỗ Thị K đã được Tòa án thông báo về yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị B trong thông báo thụ lý và thông báo công khai chứng cứ, nội dung những vấn đề hoà giải trong các thông báo hoà giải nhưng đã không có ý kiến, không xuất trình tài liệu, chứng cứ chứng minh đã trả số tiền còn nợ, cũng như không phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không đến tham gia hòa giải. Riêng ông Nguyễn Phước Đ có bản trình bày đối với số tiền 120.000.000 đồng nợ tiền biểu là do bà Ba và bà K tự chơi biểu với nhau ông Đ chỉ là người làm chứng và ký xác nhận vào giấy nợ biểu, riêng hai khoản tiền 50.000.000 đồng và 10.000.000 đồng bà K nợ bà Ba ông Đ hoàn toàn không biết và không ký xác nhận.

HĐXX xét thấy: -Đối với số tiền nợ biểu 120.000.000 đồng ông Đ cho rằng mình không biết nhưng ông xác nhận là ông đã ký vào giấy nợ biểu ngày 20.4.2018 do vậy cần buộc ông và bà K cùng có trách nhiệm trả số tiền nêu trên. Riêng đối với hai khoản nợ do bà K mượn và ký xác nhận nên cần buộc bà K phải có trách nhiệm trả cho bà Ba số tiền nợ là 60.000.000 đồng.

Các bên đương sự đều đã trưởng thành và đủ năng lực hành vi dân sự, xuất phát từ sự thoả thuận của hai bên nên giao dịch dân sự giữa các bên là hợp pháp phù hợp theo quy định của pháp luật. Do ông Nguyễn Phước Đ và bà Đỗ Thị K đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nên việc bà Huỳnh Thị B khởi kiện là có căn cứ. Do vậy HĐXX chấp

nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị B buộc ông Nguyễn Phước Đ và bà Đỗ Thị K phải có nghĩa vụ trả cho bà Huỳnh Thị B số tiền nợ biểu là 120.000.000 đồng và buộc bà K phải trả cho bà Ba số tiền nợ là 60.000.000 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 353,471 BLDS năm 2015.

Về tiền lãi: Bà Huỳnh Thị B không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

* Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì ông Nguyễn Phước Đ và bà Đỗ Thị K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 6.000.000 đồng ; Bà Đỗ Thị K phải chịu án phí sơ thẩm là: 3000.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: - Điều 353,471 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 147, khoản 2 Điều 227 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

-Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên bố: Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Huỳnh Thị B đối với ông Nguyễn Phước Đ và bà Đỗ Thị K.

1. Tuyên xử:

- Buộc ông Nguyễn Phước Đ và bà Đỗ Thị K có nghĩa vụ trả cho bà Huỳnh Thị B số tiền nợ biểu: 120.000.000 đồng (*một trăm hai mươi triệu đồng*).

- Buộc bà Đỗ Thị K có nghĩa vụ trả cho bà Huỳnh Thị B số tiền nợ: 60.000.000 đồng (*sáu mươi triệu đồng*).

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Phước Đ và bà Đỗ Thị K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: **6.000.000 đồng (sáu triệu đồng y)**.

Bà Đỗ Thị K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: **3.000.000 đồng (ba triệu đồng y)**.

+ Bà Huỳnh Thị B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí **4.500.000 đồng (bốn triệu năm trăm ngàn đồng)** theo Biên lai thu số **0005866 ngày 06.12.2018** tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chi khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay.

Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS TPĐN, TA TPĐN
- VKSND quận Liên Chiểu;
- Chi cục THA quận Liên Chiểu;
- Hồ sơ vụ án.

Phạm Thanh Thủy